



## DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

### LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG  
ngày tháng 05 năm 2026 của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng  
quốc gia/of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng Đo lường**

Laboratory: **Metrology Laboratory**

Tổ chức /Cơ quan chủ quản: **Công ty CP Kiểm định và Đo lường Chất lượng Cần Thơ**

Organization: **Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company**

Số hiệu/ Code: **VILAS 1265**

Chuẩn mực công nhận  
Accreditation criteria: **ISO/IEC 17025:2017**

Lĩnh vực: **Cơ**

Field: **Mechanical**

Người quản lý/  
Laboratory manager: **Nguyễn Thanh Lương**

Hiệu lực công nhận  
Period of Validation: **Kể từ ngày /05/2026 đến ngày /05/2031**

Địa chỉ:  
Address: **Số 13/68, đường Trần Vĩnh Kiết, khu vực 1, phường An Bình, thành phố Cần Thơ**  
**No. 13/68, Tran Vinh Kiet Road, Area 1, An Binh Ward, Can Tho City**

Địa điểm:  
Location: **Số 13/68, đường Trần Vĩnh Kiết, khu vực 1, phường An Bình, thành phố Cần Thơ**  
**No. 13/68, Tran Vinh Kiet Road, Area 1, An Binh Ward, Can Tho City**

Điện thoại/ Tel: **0909 992665**

Email: **doluongcantho@gmail.com**

Website: **https://doluongcantho.com**

**DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN**

*LIST OF ACCREDITED TESTS*

**VILAS 1265**

**Lĩnh vực thử nghiệm: Cơ**

*Field of testing: Mechanical*

<b>TT</b>	<b>Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i></b>	<b>Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i></b>	<b>Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i></b>	<b>Phương pháp thử/ <i>Test method</i></b>
1.	<b>Tủ an toàn sinh học cấp II (x) <i>Biological Safety Cabinet Class II</i></b>	Thử vận tốc dòng khí vào/ xuống <i>In/ Down flow velocity test</i>	0,01 m/s (0 ~ 30) m/s	NSF/ANSI 49-2024 BS EN 12469-2:2025 và/ and BS EN 12469-5:2025
2.		Thử lưu lượng dòng vào <i>Inflow volume test</i>	1 m <sup>3</sup> /h / (35 ~ 4250) m <sup>3</sup> /h	
3.		Thử rò rỉ HEPA, ULPA <i>HEPA, ULPA filter leak test</i>	Phạm vi đo/ <i>Range:</i> (0,0001 ~ 100) %	
			Độ phân giải/ <i>Res:</i> 0,0001 %	
			Môi chất/ <i>Fluid:</i> PAO ( <i>polyalpha olefin</i> )	
4.		Kiểm tra hình thái dòng khí <i>Airflow smoke pattern test</i>	-	
5.		Thử cường độ ánh sáng khả kiến <i>Lighting intensity test</i>	1 lux / (40 ~ 20 000) lux	
6.		Thử độ ồn <i>Noise level test</i>	0,1 dB / (30 ~ 130) dB	
7.	Thử độ rung <i>Vibration test</i>	0,001 mm / (0,001 ~ 1,999) mm		
8.	<b>Tủ an toàn sinh học (cấp I, II, III), tủ sạch, tủ cấy vi sinh (x) <i>Biological Safety Cabinet (Class I, II, III), Clean Bench, Laminar Flow Cabinet</i></b>	Thử cường độ ánh sáng tím UV <i>UV light intensity test</i>	1 μW/cm <sup>2</sup> / (0 ~ 2000) μW/cm <sup>2</sup>	TCCT 03:2026

**DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN**

*LIST OF ACCREDITED TESTS*

**VILAS 1265**

<b>TT</b>	<b>Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i></b>	<b>Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i></b>	<b>Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i></b>	<b>Phương pháp thử/ <i>Test method</i></b>
9.	<b>Tủ sạch, tủ cấy vi sinh (x) <i>Clean Bench, Laminar Flow Cabinet</i></b>	Thử nồng độ hạt bụi <i>Particle concentration test</i>	Kích thước hạt/ <i>Size:</i> (0,3; 0,5; 1; 3; 5; 10) µm	ISO 14644-1:2015 TCVN 8664-1:2011
10.	<b>Tủ hút, tủ hút khí độc (x) <i>Fume Hood Cabinet</i></b>	Thử vận tốc dòng khí hút <i>Airflow velocity test</i>	0,01 m/s / (0 ~ 30) m/s	ANSI/ASHRAE 110- 2016 (R2025) TCVN 6914:2001
11.		Kiểm tra hình thái dòng khí <i>Airflow smoke pattern test</i>	-	ANSI/ASHRAE 110- 2016 (R2025)
12.		Thử cường độ ánh sáng khả kiến <i>Lighting intensity test</i>	1 lux / (40 ~ 20000) lux	NSF/ANSI 49-2024
13.		Thử độ ồn <i>Noise level test</i>	0,1 dB / (30 ~ 130) dB	
14.		Thử độ rung <i>Vibration test</i>	0,001 mm / (0,001 ~ 1,999) mm	
15.		Thử cường độ ánh sáng tím UV <i>UV light intensity test</i>	1 µW/cm <sup>2</sup> (0 ~ 2000) µW/cm <sup>2</sup>	TCCT 04:2026
16.	<b>Phòng sạch (x) <i>Clean room</i></b>	Thử nồng độ hạt bụi <i>Particle concentration test</i>	Kích thước hạt/ <i>Particle Size:</i> (0,3; 0,5; 1; 3; 5; 10) µm	ISO 14644-1:2015 TCVN 8664-1:2011
17.		Thử vận tốc dòng khí <i>Airflow velocity test</i>	0,01 m/s (0 ~ 30) m/s	ISO 14644-3:2019
18.		Thử lưu lượng gió <i>Airflow volume test</i>	1 m <sup>3</sup> /h / (35 ~ 4250) m <sup>3</sup> /h	
19.		Thử rò rỉ HEPA <i>HEPA filter leak test</i>	Phạm vi đo/ <i>Range:</i> (0,0001 ~ 100) % Độ phân giải/ <i>Res:</i> 0,0001 % Môi chất/ <i>Fluid:</i> PAO ( <i>polyalpha olefin</i> )	
20.		Kiểm tra hình thái dòng khí <i>Airflow smoke pattern test</i>	-	

**DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN**

*LIST OF ACCREDITED TESTS*

**VILAS 1265**

<b>TT</b>	<b>Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ Materials or product tested</b>	<b>Tên phép thử cụ thể/ The name of specific tests</b>	<b>Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo Limit of quantitation (if any)/range of measurement</b>	<b>Phương pháp thử/ Test method</b>
21.	<b>Phòng sạch (x) Clean room</b>	Thử độ hồi phục <i>Recovery test</i>	Phạm vi đo/ <i>Range:</i> (1~500000) hạt/ ft3 (particle/ ft3) Cỡ hạt/ <i>Particle size:</i> (0,3~10) µm Từ/From 1 phút/ <i>minute</i>	ISO 14644-3:2019
22.		Thử chênh lệch áp suất <i>Difference pressure test</i>	0,1 Pa/ (0 ~ 1000) Pa	ISO 14644-3:2019
23.		Thử nhiệt độ <i>Temperature test</i>	0,1 °C / (10 ~ 50) °C	
24.		Thử độ ẩm <i>Humidity test</i>	0,1% RH / (30 ~ 90) %RH	
25.		Thử cường độ ánh sáng khả kiến <i>Lighting intensity</i>	1 lux / (40 ~ 20000) lux	TCVN 7114:2008
26.		Thử độ ồn <i>Noise level test</i>	0,1 dB / (30 ~ 130) dB	TCCT 05:2026
27.		Thử cường độ ánh sáng tím UV <i>UV light intensity test</i>	1 µW/cm <sup>2</sup> (0 ~ 2000) µW/cm <sup>2</sup>	

**Ghi chú/Note:**

- (x): phép thử có thực hiện ở hiện trường/ *On-site tests*
- TCCT: Phương pháp thử do PTN xây dựng/ *Laboratory's developed method*
- ISO: International Organization for Standardization
- NSF/ANSI: National Sanitation Foundation/ American National Standards Institute

Trường hợp Công ty Cổ phần Kiểm định và Đo lường Chất lượng Cần Thơ cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty Cổ phần Kiểm định và Đo lường Chất lượng Cần Thơ phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này./ *It is mandatory for Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

